

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

KẾT QUẢ THI LẠI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
Kỳ thi Tháng 3/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
1	15000163	Huỳnh Văn	Kháng	14/09/2000	15TCN-CKL	7.0		
2	15000832	Phạm Trương Thiên	Phước	07/12/2000	15TCN-CKL	6.5		
3	15000514	Trần Võ Đông	Phương	12/09/2000	15TCN-CKL	6.0		
4	15000059	Nguyễn Quốc Văn	Sơn	17/03/2000	15TCN-Đ		8.0	
5	15000081	Dương Hiền	Vinh	21/09/2000	15TCN-ĐT	5.0		
6	15000096	Nguyễn Ngọc	Khánh	22/5/2000	15TCN-KTD	7.0		
7	15000311	Bành Thanh	Tân	24/3/1997	15TC-NL	7.5	7.5	8.0
8	15001606	Trần Bách	Tùng	06/5/2000	15TCN-LĐL	9.5	3.0	5.0
9	15000278	Bùi Duy	Đại	04/8/2000	15TCN-Ô1	9.0	5.0	7.0
10	15000162	Lâm Vĩnh	Thành	08/02/1999	15TCN-Ô1	6.0		
11	15000072	Trần Quang	Long	13/12/2000	15TCN-QTM	6.0	6.5	6.5
12	15000064	Nguyễn Thiên	Phúc	07/9/1999	15TCN-QTM	6.5	6.5	8.0
13	15001875	Lê Nguyễn Nhật	Trường	22/10/2000	15TCN-QTM	6.5	7.0	7.5
14	15001127	Lê Minh	Phú	28/07/1997	15TC-Ô	6.0	6.0	7.0
15	15001324	Nguyễn Xuân	Dũng	11/11/2000	15TC-QTM	5.5	6.5	8.0
16	16000129	Lê Ngọc	Hào	23/06/2000	16TC-MTT	7.0		
17	16001548	Võ Quang	Huy	03/07/2001	16TC-MTT	6.5		
18	16000120	Hứa Lê Kim	Ngân	21/10/2001	16TC-MTT	7.0		
19	16000223	Nguyễn Vũ Trúc	Quân	17/02/2000	16TC-MTT	6.5		
20	16000091	Huỳnh Minh	Chiến	21/12/2001	16TCN-CKL	7.0		
21	16000089	Trần Việt	Hoàng	24/05/2001	16TCN-CKL	6.5		
22	16000377	Nguyễn Văn	Lai	28/10/2001	16TCN-CKL	9.0		
23	16000513	Phan Lâm	Tân	04/09/2001	16TCN-CKL	0.0		
24	16000455	Phạm Tuấn	Anh	23/01/2001	16TCN-Đ	8.0		
25	16003887	Hoàng Phước Ngọc	Duy	22/10/2000	16TCN-Đ	7.5		
26	16000991	Thiều Lê	Huy	01/03/2000	16TCN-Đ	7.5		

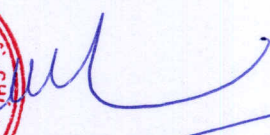
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
27	16003786	Vũ Đăng	Khoa	26/08/1999	16TCN-Đ	5.0		
28	16001213	Tô Đình	Trí	29/12/1996	16TCN-Đ	V		
29	16001070	Trần Ngọc	Hiền	21/11/2001	16TCN-ĐT	9.5		
30	16000440	Nguyễn Minh	Hiếu	12/01/2001	16TCN-ĐT	1.0		
31	16000345	Hoàng Anh	Kỳ	10/12/2001	16TCN-ĐT	8.0		
32	16000370	Cao Ngọc	Long	31/03/2001	16TCN-ĐT	7.0		
33	16000040	Nguyễn Ngọc	Long	13/10/1995	16TCN-ĐT	7.5	7.0	V
34	16000339	Nguyễn Thành	Nhân	26/06/2001	16TCN-ĐT	5.5		
35	16000069	Nguyễn Dương Thế	Sơn	23/02/2000	16TCN-ĐT	1.5		
36	16000061	Võ Xuân	Thái	26/12/2001	16TCN-ĐT	8.5		
37	16000430	Phạm Quốc	Thắng	26/11/2001	16TCN-ĐT	9.0		
38	16000145	Bùi Quốc	Tuấn	15/02/2000	16TCN-ĐT	6.0		
39	16000615	Huỳnh Anh	Tuấn	25/05/2001	16TCN-ĐT	6.0		
40	16000225	Phan Anh	Vũ	25/10/2000	16TCN-ĐT	3.0		
41	16001001	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiền	13/12/2001	16TCN-KTD	3.5		
42	16001599	Lê Minh	Thư	09/09/2001	16TCN-KTD			7.0
43	16000544	Nguyễn Thiên	Bảo	15/04/2001	16TCN-Ô1	5.0		
44	16001803	Nguyễn Kế	Kha	19/06/2001	16TCN-Ô1	5.5		
45	16003691	Trần Quang	Linh	12/10/2001	16TCN-Ô1			6.5
46	16000654	Võ Phú	Lộc	27/02/1996	16TCN-Ô1	6.5		
47	16000138	Phạm Xuân	Thao	22/09/2001	16TCN-Ô1			5.5
48	16000323	Huỳnh Vũ	Tiến	03/07/1997	16TCN-Ô1	6.5		
49	16003035	Trương Quế	Anh	29/03/2001	16TCN-QTD	7.5		
50	16002461	Mộng Thùy	Dương	21/12/2001	16TCN-QTD	5.5		
51	16000315	Trần Tường	Duy	02/04/2001	16TCN-QTD	6.5		
52	16000172	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	09/02/2001	16TCN-QTD	7.5		
53	16000316	Đoàn Thị Thanh	Huyền	26/09/2001	16TCN-QTD	9.5		
54	16000479	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	24/05/1999	16TCN-QTD	5.0		6.0
55	16000071	Nguyễn Thị Phi	Nhung	23/09/2001	16TCN-QTD	7.5		
56	16000594	Đoàn Hồng	Phúc	30/01/2001	16TCN-QTD	6.5		
57	16000371	Nguyễn Thị Hồng	Phương	03/08/2001	16TCN-QTD	6.0		
58	16000287	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	07/02/2001	16TCN-QTD	6.5		

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
59	16003629	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	07/7/2000	16TCN-QTD	1.0	0.0	5.0
60	16000292	Nguyễn Trung	Hiếu	24/11/2001	16TCN-QTM1	7.0		
61	16002938	Lâu Quay	Kin	11/01/2000	16TCN-QTM1	3.5		
62	16000299	Nguyễn Thanh	Long	12/04/2000	16TCN-QTM1	5.0		
63	16001496	Lê Minh	Luân	20/09/2001	16TCN-QTM1	5.5		
64	16000667	Bùi Hữu	Nghĩa	21/07/2001	16TCN-QTM1	7.0		
65	16000165	Nguyễn Trường	Tú	15/03/2001	16TCN-QTM1	7.5		
66	16001893	Đỗ Huỳnh Minh	Hy	24/02/2000	16TC-Ô1	5.0		
67	16000380	Phạm Minh	Khải	21/11/1999	16TC-Ô1	3.5		
68	16001840	Trần Duy	Quang	20/05/1998	16TC-Ô1	6.0		
69	16003448	Trần Võ Văn	Tài	29/10/2001	16TC-Ô1	6.0		
70	16000706	Hồ Công	Chiến	11/02/2001	16TC-QTM		V	V
71	16000047	Khổng Lê Trọng	Hiếu	20/04/2001	16TC-QTM	5.5		
72	16000322	Lý Diệu	Huy	07/09/2001	16TC-QTM	5.0		
73	16000009	Phạm Quang	Minh	18/08/1997	16TC-QTM	5.0		
74	16000063	Đinh Hồng	Sơn	22/09/2001	16TC-QTM	2.5		
75	17001199	Phạm Minh	Nghĩa	27/08/1999	17T2-ĐCN1		1.5	
76	17001296	Trần Văn	Sơn	04/04/1999	17T2-ĐCN1			0.0
77	17004057	Nguyễn Kim	Sang	12/01/1999	17T2-QTM1	4.0		

Tổng cộng danh sách có 77 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG





Phạm Hữu Lộc